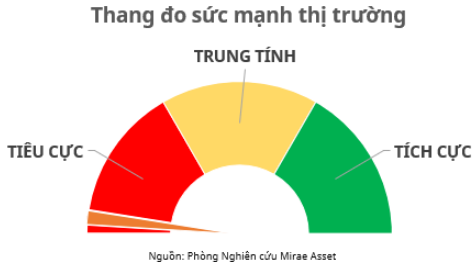


21 Tháng Tư 2022



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

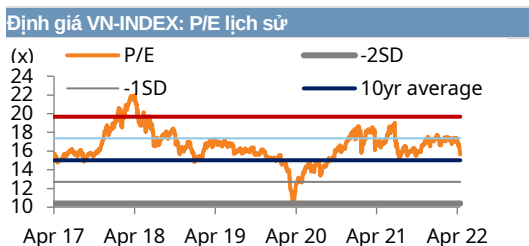
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,370.21	-1.05	-8.34	8.04
HNX	366.61	-3.53	-20.00	23.66
UPCOM	104.89	-1.42	-9.72	28.34
MSCI EM	1,095.63	-0.03	-1.76	-18.04
NIKKEI	27,553.06	1.23	2.70	-3.35
HANG SENG	20,682.22	-1.25	-2.54	-27.74
KOSPI	2,728.21	0.35	1.57	-13.98
FTSE	7,626.55	-0.03	2.47	10.61
S&P 500	4,459.45	-0.06	-0.04	6.85
NASDAQ	13,453.07	-1.22	-2.78	-3.56

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	15.63	2.40	15.66
SET INDEX	18.38	1.69	9.61
JCI INDEX	22.10	2.23	9.63
PCOMP INDEX	20.84	1.74	8.86

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.23	-2	45	107
10 năm	3.06	1	67	68

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,964	0.07	-0.45	0.47
US\$/KRW	1,239	-0.21	-1.79	-9.69
US\$/JPY	128	-0.25	-6.80	-15.68
US\$/EUR	0.92	-0.56	0.91	10.25
US\$/GBP	0.77	0.12	0.87	6.71
US\$/SGD	1.36	0.15	-0.25	-2.36

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	839	1,007	992
HNX	86	131	135
UPCOM	57	64	74



Nhận định thị trường

Tiếp tục bị bán tháo, VN-Index mất hơn 14 điểm

Thông tin thao túng giá liên quan nhóm cổ phiếu Louis và công ty Chứng khoán Trí Việt tiếp tục khiến NGĐT tỏ ra lo ngại, VN-Index mở cửa trong sắc đỏ với mức giảm hơn 15 điểm, tại mức 1.369,8 và tiếp tục giảm sâu hơn sau đó. Mốc 1.360 bị xuyên thủng ngay sau đó, chỉ số tiếp tục giảm về 1.356 ngay khoảng thời gian đầu phiên. Thị trường tỏ ra cân bằng tại vùng này và bắt đầu nhịp hồi phục, có lúc VN-Index đã có lại trạng thái tăng điểm với mức tăng hơn 5 điểm, chạm 1.392. Tuy nhiên tâm lý bán cuối phiên vẫn duy trì dim VN-Index trở lại sắc đỏ và chốt phiên với mức giảm 14,51 điểm (-1,05%) về mức 1.370,21.

VHM, GVR, VIC là 3 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực lớn nhất VN-Index với mức ảnh hưởng tổng cộng gần 7 điểm. Chiều tăng điểm được hỗ trợ bởi bộ ba Ngân hàng BID, TCB và MBB tuy nhiên 3 cổ phiếu này chỉ giúp chỉ số tăng hơn 1,5 điểm.

Khối ngoại tiếp tục kéo dài chuỗi mua ròng lên 4 phiên liên tiếp với giá trị mua ròng hơn 934 tỷ đồng trong phiên hôm nay. VRE, VNM và NLG là 3 cổ phiếu được khối này mua vào nhiều nhất với giá trị lần lượt 71 tỷ đồng, 56 tỷ đồng và 48 tỷ đồng.

VN-Index đã có chuỗi 6 phiên giảm liên tục và tính từ đỉnh 1.330 thì nhịp giảm điểm hiện tại đã lên đến 10 phiên. Xu hướng tiêu cực đang áp đảo. Điểm tích cực mà chúng tôi nhận thấy là việc VN-Index đang có mức P/E là 15,63, gần với mức trung bình 10 năm là 15,03 lần. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-7 (TIÊU CỰC)**.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	6	KHẢ QUAN
Nikkei 225	3	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

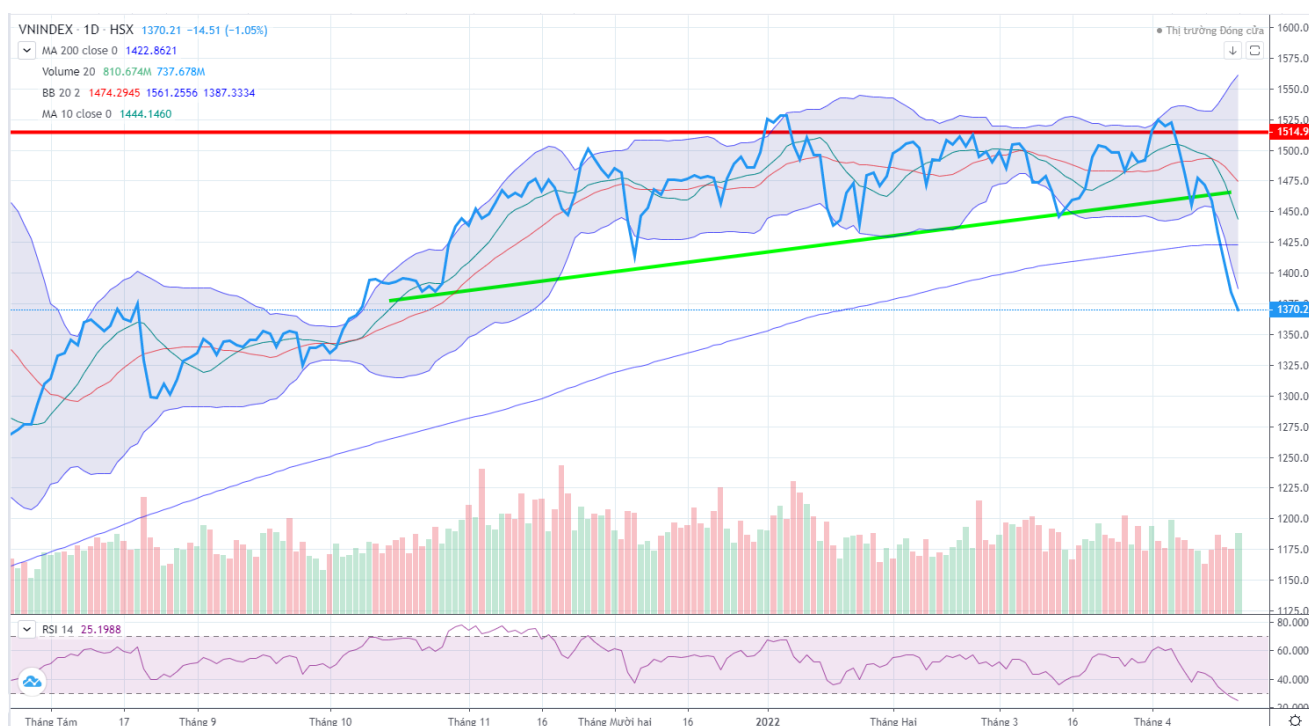
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (21/04/2022)	1.370	Kháng cự 1 1.400
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2 1.450
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Giảm	Hỗ trợ 1 1.370
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.300

Xu hướng giảm điểm đang áp đảo.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

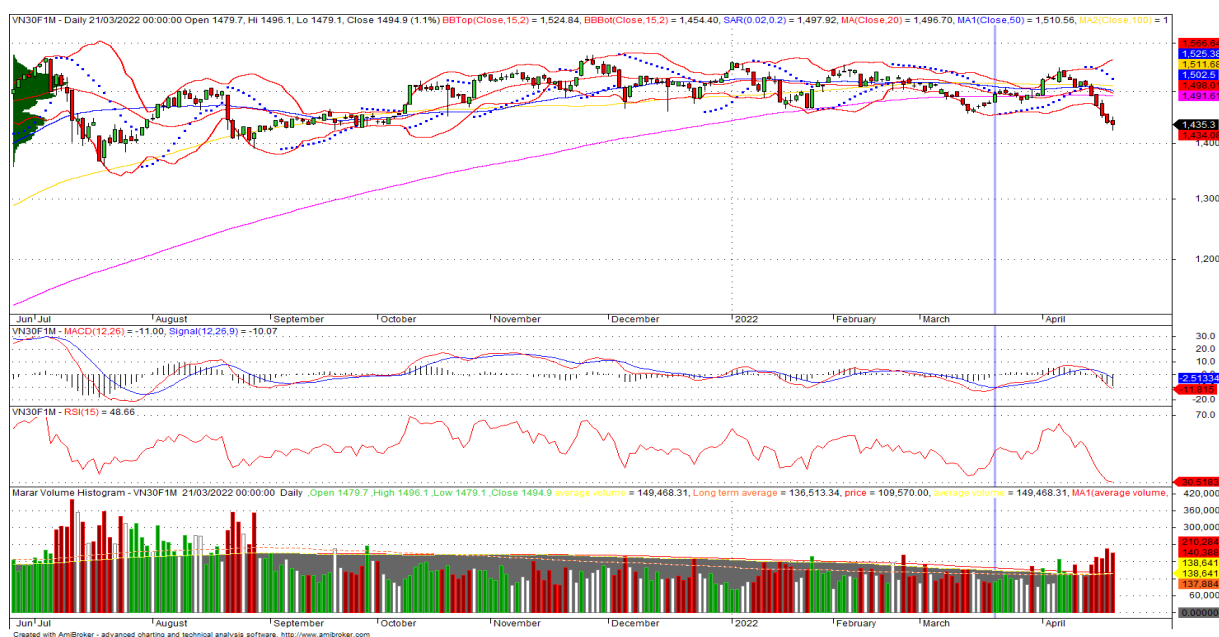
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (21/04/2022)	1.435	Kháng cự 1	1.550
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.600
VN30 – đóng cửa	1.426	Hỗ trợ 1	1.490
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+8.4	Hỗ trợ 2	1.440

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-7	TIÊU CỰC

Hợp đồng phái sinh VN30F2204 hôm nay được đáo hạn và có khoảng cách hơn 14 điểm so với hợp đồng phái sinh tháng 5. Xu hướng giảm tiếp tục được duy trì

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
HAH	Kho bãi, hậu cần	105,900	1,250,890	86	4	
ANV	Thủy sản	47,500	1,308,245	90	4	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
FRT	166	955,620	4	KHẢ QUAN	13,111	29.5	7.9	159
HAH	105.9	1,250,890	4	KHẢ QUAN	5,166	12.1	3.3	132
ANV	47.5	1,308,245	4	KHẢ QUAN	6,039	47.2	2.6	62
DPM	71.6	6,797,385	2	TRUNG TÍNH	28,020	5.5	2.3	487
DGW	152.5	989,850	2	TRUNG TÍNH	13,817	20.4	7.6	151
VHC	103	1,256,395	2	TRUNG TÍNH	18,740	12.4	3.0	129
DGC	247	2,005,365	0	TRUNG TÍNH	42,257	13.1	5.8	495
PNJ	119	1,251,225	0	TRUNG TÍNH	28,842	26.3	4.5	149
BVH	66.5	2,127,270	0	TRUNG TÍNH	49,364	26.0	2.3	141
CTR	116.8	980,385	0	TRUNG TÍNH	10,854	28.9	8.3	115
HPG	43.35	16,588,780	-2	TRUNG TÍNH	193,901	6.0	2.1	719
FPT	112	3,531,495	-2	TRUNG TÍNH	101,646	23.4	5.7	396
MWG	155.5	2,540,640	-2	TRUNG TÍNH	113,830	22.4	5.4	395
SSI	36.05	8,815,820	-2	TRUNG TÍNH	35,789	11.9	2.4	318
TNG	38.6	4,159,210	-2	TRUNG TÍNH	3,578	13.9	2.4	161
IDI	26.75	4,976,815	-2	TRUNG TÍNH	6,089	44.6	2.0	133
VJC	136.5	773,550	-2	TRUNG TÍNH	73,930	736.0	4.4	106
TCM	74	1,305,750	-2	TRUNG TÍNH	5,273	40.4	3.0	97
GAS	105	717,055	-3	TRUNG TÍNH	200,965	24.0	3.9	75
GEX	29	18,570,656	-4	TIÊU CỰC	24,693	20.4	2.1	539
VND	32.35	13,873,710	-4	TIÊU CỰC	39,397	12.7	3.5	449
MBB	30	13,914,255	-4	TIÊU CỰC	113,350	8.9	1.9	417
STB	27.65	12,592,300	-4	TIÊU CỰC	52,126	14.9	1.5	348
TCB	43.6	7,688,230	-4	TIÊU CỰC	153,076	8.5	1.7	335
DCM	41.4	7,477,005	-4	TIÊU CỰC	21,917	13.5	2.9	310
HSG	30.1	7,362,485	-4	TIÊU CỰC	14,854	3.5	1.3	222
PDR	63.4	3,287,010	-4	TIÊU CỰC	42,582	22.8	5.8	208
CTG	29	5,414,690	-4	TIÊU CỰC	139,367	9.9	1.5	157
POW	13.3	11,259,910	-4	TIÊU CỰC	31,147	17.3	1.1	150
VCG	32	4,621,705	-4	TIÊU CỰC	14,135	28.9	2.3	148
HUT	27	5,216,745	-4	TIÊU CỰC	9,413	146.8	2.5	141
MSN	123	964,950	-4	TIÊU CỰC	174,247	20.3	5.3	119
VCI	45	2,444,045	-4	TIÊU CỰC	14,985	10.0	2.3	110
HCM	28.1	3,867,170	-4	TIÊU CỰC	12,848	10.7	1.7	109
LPB	16.3	5,948,130	-4	TIÊU CỰC	23,938	7.4	1.3	97
BID	38.5	2,495,045	-4	TIÊU CỰC	194,753	18.5	2.3	96

KSB	38.75	2,424,275	-4	TIÊU CỰC	2,956	13.1	1.6	94
TTF	12.6	7,280,750	-4	TIÊU CỰC	4,959	#N/A N/A	#N/A N/A	92
VGC	46.4	1,791,545	-4	TIÊU CỰC	20,803	17.0	2.9	83
REE	80.8	1,020,880	-4	TIÊU CỰC	24,971	13.5	1.9	82
CMX	21.9	3,562,640	-4	TIÊU CỰC	1,989	14.5	1.8	78
VCB	78.4	988,665	-4	TIÊU CỰC	371,029	16.9	3.4	78
GIL	90	722,200	-4	TIÊU CỰC	3,888	11.3	2.4	65
NVL	80.1	5,035,995	-5	TIÊU CỰC	154,627	41.9	4.4	403
VRE	30.5	3,830,010	-5	TIÊU CỰC	69,306	52.7	2.3	117
SHS	20.5	5,073,180	-5	TIÊU CỰC	9,433	6.7	1.7	104
VIX	15.5	6,354,215	-5	TIÊU CỰC	8,512	7.6	1.1	98
HDB	24.9	3,926,265	-5	TIÊU CỰC	50,104	8.2	1.7	98
AAA	13.7	6,977,020	-5	TIÊU CỰC	4,472	13.4	0.9	96
TCH	15.4	5,853,010	-5	TIÊU CỰC	10,291	14.7	1.2	90
GVR	30.5	2,861,540	-5	TIÊU CỰC	122,000	29.3	2.5	87
PHR	74.1	1,005,220	-5	TIÊU CỰC	10,040	14.6	3.1	74
TSC	12.2	6,018,360	-5	TIÊU CỰC	2,402	17.4	1.2	73
CTD	61.2	1,140,075	-5	TIÊU CỰC	4,520	198.7	0.6	70
DPR	82.8	809,750	-5	TIÊU CỰC	3,560	8.3	1.6	67
LHG	49.4	1,324,745	-5	TIÊU CỰC	2,471	8.3	1.7	65
DRC	32.5	1,925,770	-5	TIÊU CỰC	3,861	13.2	2.1	63
VPB	35.5	21,905,696	-6	TIÊU CỰC	157,814	9.2	1.8	778
NKG	38.4	7,808,015	-6	TIÊU CỰC	8,425	3.6	1.5	300
HAG	10.1	21,861,060	-6	TIÊU CỰC	9,367	46.0	2.1	221
GMD	55.6	3,177,850	-6	TIÊU CỰC	16,757	29.8	2.7	177
PC1	41.1	2,743,995	-6	TIÊU CỰC	9,665	13.6	2.1	113
SBT	19.2	3,954,385	-6	TIÊU CỰC	12,080	16.9	1.4	76
VPI	59.4	1,177,505	-6	TIÊU CỰC	13,068	37.5	4.1	70
DIG	64.7	7,343,570	-7	TIÊU CỰC	32,343	34.8	4.3	475
DXG	32.4	13,140,165	-7	TIÊU CỰC	19,684	16.7	2.2	426
IDC	58.3	6,200,730	-7	TIÊU CỰC	17,490	38.6	4.5	362
VHM	64	4,104,060	-7	TIÊU CỰC	278,680	7.1	2.2	263
VNM	75	3,204,130	-7	TIÊU CỰC	156,747	16.6	4.7	240
KBC	41.85	5,235,595	-7	TIÊU CỰC	24,094	26.3	1.7	219
VIC	77.5	2,768,150	-7	TIÊU CỰC	295,580	#N/A N/A	2.9	215
PVS	24.6	8,442,430	-7	TIÊU CỰC	11,758	19.6	1.0	208
CEO	42.3	4,707,125	-7	TIÊU CỰC	10,885	116.9	3.6	199
NLG	46.05	4,242,660	-7	TIÊU CỰC	17,634	24.2	2.0	195
CII	22.65	7,896,390	-7	TIÊU CỰC	5,697	#N/A N/A	1.1	179
ASM	19.35	9,159,005	-7	TIÊU CỰC	6,512	10.8	1.3	177
ACB	31.5	5,204,125	-7	TIÊU CỰC	85,111	8.9	1.9	164
TPB	34.8	4,562,230	-7	TIÊU CỰC	55,045	10.5	2.0	159
SHB	16.2	9,480,845	-7	TIÊU CỰC	43,203	8.2	1.2	154
PVD	25.1	5,773,685	-7	TIÊU CỰC	10,570	388.1	0.8	145
BCG	17.8	8,139,775	-7	TIÊU CỰC	7,944	7.6	1.5	145
ITA	11.55	12,305,195	-7	TIÊU CỰC	10,838	41.4	1.0	142
BSR	22.1	5,981,815	-7	TIÊU CỰC	68,521	10.5	1.8	132
FLC	6.19	19,552,240	-7	TIÊU CỰC	4,395	54.0	0.5	121

HQC	5.15	23,130,100	-7	TIÊU CỰC	2,454	589.3	0.6	119
SCR	15.25	7,549,485	-7	TIÊU CỰC	5,587	29.9	1.2	115
FCN	21.45	5,076,045	-7	TIÊU CỰC	3,377	39.4	1.3	109
LCG	15.55	6,973,695	-7	TIÊU CỰC	2,681	12.5	1.2	108
HBC	18.75	5,753,565	-7	TIÊU CỰC	4,606	44.1	1.2	108
LDG	13.05	8,120,845	-7	TIÊU CỰC	3,125	23.4	1.0	106
KDC	52	1,914,110	-7	TIÊU CỰC	13,084	21.3	2.0	100
VGT	21	4,138,670	-7	TIÊU CỰC	10,500	13.4	1.5	87
HNG	6.97	12,316,140	-7	TIÊU CỰC	7,727	#N/A N/A	1.3	86
PVT	21	3,894,955	-7	TIÊU CỰC	6,797	10.3	1.3	82
PLX	50.3	1,616,775	-7	TIÊU CỰC	63,911	21.5	2.5	81
HHV	17.6	4,277,035	-7	TIÊU CỰC	4,706	#N/A N/A	0.7	75
HDG	61.9	1,080,470	-7	TIÊU CỰC	12,618	10.9	2.8	67
HT1	19.8	3,203,435	-7	TIÊU CỰC	7,555	20.5	1.5	63
ROS	3.76	16,527,155	-7	TIÊU CỰC	2,134	22.5	0.3	62
SZC	56.3	1,067,040	-7	TIÊU CỰC	5,630	20.4	4.0	60

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Thông tin cập nhật

IMF cảnh báo các thị trường tài chính toàn cầu sẽ tiếp tục bị bán tháo

Theo CNBC, các nhà đầu tư toàn cầu khởi đầu năm 2022 với tâm lý lạc quan và dự đoán rằng động lực kinh tế sẽ quay trở lại khi các lệnh phong tỏa vì COVID-19 sẽ được nới lỏng, giúp cổ phiếu đi lên.

Tuy nhiên, kể từ khi Nga bắt đầu chiến dịch quân sự tại Ukraine ngày 24/2, triển vọng kinh tế và thị trường chứng khoán đã xấu đi rõ rệt do chuỗi cung ứng đứt gãy và giá nhiên liệu lên cao.

Ông Tobias Adrian, Giám đốc các thị trường vốn và tiền tệ tại IMF, nhận định ngày 19/4: “Rủi ro các đợt bán tháo tiếp tục diễn ra là rất thật”.

“Các chính sách thắt chặt tiền tệ được đưa ra với mục đích hạn chế điều kiện tài chính và làm chậm hoạt động kinh tế. Vì vậy, tôi sẽ không ngạc nhiên nếu xảy ra hiện tượng điều chỉnh định giá tài sản, có thể là ở thị trường cổ phiếu cũng như thị trường trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu chính phủ”, ông Adrian nói thêm.

Thủ tướng yêu cầu thực hiện ngay các biện pháp ổn định thị trường tài chính tiền tệ, chứng khoán

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động thực hiện ngay các biện pháp ổn định thị trường tài chính tiền tệ, chứng khoán.

Bộ Công an, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan liên quan theo chức năng và nhiệm vụ được giao tiếp tục phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt, hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Công điện số 8857/CĐ-VPCTP ngày 03 tháng 12 năm 2021, Công điện số 304/CĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2022, Công điện số 311/CĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 14/TTg-KTTH ngày 14 tháng 4 năm 2022.

Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với các cơ quan liên quan làm việc, yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật; trường hợp phát hiện công bố thông tin không rõ ràng, không chính xác thì yêu cầu cải chính và xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

Thực hiện ngay việc công bố và cung cấp thông tin chính thức, trung thực về vụ việc và tình hình, triển vọng phát triển kinh tế-xã hội đất nước cho các cơ quan báo chí và nhà đầu tư để nhà đầu tư tin tưởng, yên tâm tiếp tục thực hiện các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật.

Thủ tướng Chính phủ cũng giao Bộ Công an chủ động nắm tình hình để thực hiện các biện pháp phù hợp theo chức năng nhiệm vụ được giao, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Từ năm 2026: Các siêu thị, TTTM cung cấp túi nylon dùng một lần cho khách sẽ bị xử phạt

Ngày 20/4/2022, tại Hà Nội, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (CLCSTN&MT) phối hợp với Sở Công Thương Thành phố Hà Nội và Cơ quan Hợp tác kỹ thuật quốc tế Pháp (Expertise France) tổ chức Hội thảo tổng kết Dự án thí điểm “Sáng kiến thành lập Liên minh siêu thị nhằm giảm thiểu việc tiêu thụ túi nylon dùng một lần tại Việt Nam” (Dự án PLASTIC ALLIANCE).

Theo Viện Chiến lược Chính sách tài nguyên và môi trường, trung bình, số lượng túi nylon sử dụng một lần tại các siêu thị Việt Nam, hiện chiếm khoảng 104.000 túi/ngày, tương đương với 38 triệu túi nylon/năm (trong đó 46/48 siêu thị đang cung cấp túi nylon miễn phí; trung bình, mỗi siêu thị tiêu thụ khoảng 1.454 túi nylon mỗi ngày).

Do đặc tính bền, khó phân hủy của các sản phẩm nhựa, túi nylon sử dụng một lần đã và đang gây ô nhiễm môi trường, để lại những hậu quả khôn lường đối với sức khỏe con người và các loài động thực vật trên Trái Đất.

Bảo hiểm Quân đội (MIC): Quý 1/2022 lợi nhuận tăng 82% cùng kỳ năm trước, năm 2022 tăng vốn 35%, tìm kiếm cổ đông chiến lược

Sáng nay Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC – mã MIG) tổ chức Đại hội cổ đông năm 2022 và thông qua định hướng phát triển giai đoạn 2022 – 2026.

Năm 2021, vượt qua những thách thức của một năm khó khăn chung do ảnh hưởng bởi đại dịch, MIC ghi nhận tổng doanh thu 4.231 tỷ đồng, tăng 23,3% so với năm trước, trong đó doanh thu bảo hiểm gốc đạt 3.932 tỷ đồng tăng trưởng 24,6% so với năm trước, gấp 6 lần bình quân thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, vươn lên vị trí top 5 về thị phần. Lợi nhuận trước thuế đạt 281 tỷ đồng tăng trưởng 16,1%, chỉ tiêu sinh lời ROE 13,6% thuộc Top đầu trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ.

Trong kỳ đại hội lần này, MIC đã trình Đại hội đồng cổ đông nghị quyết chi trả cổ tức 2022 dự kiến 15% và tăng vốn điều lệ lên 35% từ 1430 tỷ đồng lên 1.930,5 tỷ đồng.

Với phương án tăng vốn điều lệ, ngoài chi trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu, MIC sẽ phát hành 25.740.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán 10.000 đồng/cp, tỷ lệ phân phối quyền mua 115:18; phát hành 2.860.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (ESOP) với giá chào bán 10.000 đồng/cp.

Theo kết quả báo cáo tài chính quý 1/2022 Bảo hiểm Quân đội (MIC - Mã chứng khoán MIG) ghi nhận tổng doanh thu bảo hiểm gốc hơn 1247 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ gấp 5 lần so với tốc độ tăng trưởng của ngành. Lợi nhuận trước thuế ước đạt hơn 85 tỷ đồng tăng trưởng 82% so với cùng kỳ, nhờ việc tăng trưởng doanh thu và quản lý hiệu quả chi phí. Kênh bảo hiểm số đóng góp quan trọng vào việc tăng trưởng doanh thu với mức tăng ấn tượng 5 lần so với cùng kỳ, chiếm 20% doanh thu.

Tổng giám đốc Gelex (GEX) Nguyễn Văn Tuấn đăng ký mua thêm 10 triệu cổ phiếu

Theo thông tin CTCP Tập đoàn GELEX (mã CK: GEX) mới công bố về giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, ông Nguyễn Văn Tuấn – Thành viên HĐQT và Tổng giám đốc Công ty đã đăng ký mua vào 10 triệu cổ phiếu GEX để nâng tỷ lệ sở hữu. Phương thức giao dịch là thỏa thuận và/hoặc khớp lệnh theo quy định của pháp luật, thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 25/4/2022 đến ngày 24/5/2022.

Nếu giao dịch thành công, số cổ phiếu GEX thuộc sở hữu của ông Tuấn sẽ tăng từ 192,3 triệu cổ phiếu (tương ứng 22,58% cổ phần) lên 202,3 triệu cổ phiếu (tương ứng 23,75% cổ phần).

Ngoài ra, gần đây, nhóm quỹ Dragon Capital cũng đã báo cáo giao dịch mua vào cổ phiếu GEX. Cụ thể, trong phiên 15/4, quỹ thành viên Grinling International Limited đã mua vào 700.000 cổ phiếu và quỹ Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust (Equity) đã mua 100.000 cổ phiếu, qua đó lần lượt tăng lượng cổ phiếu nắm giữ lên 2,1 triệu đơn vị (0,25%) và 668 nghìn đơn vị (0,08%).

Tổng cộng sau giao dịch, nhóm quỹ Dragon Capital nắm giữ 42,6 triệu cổ phiếu GEX, tương ứng tỷ lệ sở hữu đạt 5%, chính thức quay trở lại là cổ đông lớn tại Gelex.

Vincom Retail (VRE) đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2022 tăng 82,5% đạt 2.400 tỷ đồng, không chia cổ tức năm 2021

Theo tài liệu Đại hội cổ đông thường niên 2022, HĐQT CTCP Vincom Retail (mã CK: VRE) dự định trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 với doanh thu 8.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 2.400 tỷ đồng, lần lượt tăng 35,8% và 82,5% so với thực hiện năm 2021.

Theo kế hoạch trong năm 2022, VRE sẽ khai trương 3 trung tâm thương mại (TTTM) mới với tổng diện tích 95.000m², nâng tổng diện tích mặt sàn bán lẻ trên toàn hệ thống lên gần 1,8 triệu m², bao gồm Vincom Mega Mall Smart City (Hà Nội) và 2 Vincom Plaza.

ĐHĐCĐ PVD: Doanh thu quý 1 khoảng 1,000 tỷ, lỗ sau thuế 75 tỷ đồng

Sáng ngày 21/04, Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PV Drilling, HOSE: PVD) tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022. Năm nay, PVD lên kế hoạch doanh thu hợp nhất 4,700 tỷ đồng và không thua lỗ.

PVD cho biết theo ước tính mới nhất, giá dầu Brent trung bình dự báo của EIA của trong năm 2022 sẽ duy trì ở mức 82.87 USD/thùng. Nguyên nhân chủ yếu là do tồn kho dầu đã giảm 6 quý liên tiếp và đầy tồn kho của nhóm nước thuộc tổ chức OECD xuống mức 2.7 tỷ thùng, mức thấp nhất kể từ 2014. Bên cạnh đó, đặc biệt là liên quan đến căng thẳng Nga – Ukraine, cùng với lo ngại thị trường suy thoái vì xuất hiện biến thể Omicron sẽ ảnh hưởng đến tiêu thụ dầu.

Theo đó, PVD lên kế hoạch năm nay có doanh thu hợp nhất 4,700 tỷ đồng, tăng 9% so với thực hiện 2021 và không thua lỗ (hợp nhất). Lãi sau thuế Công ty mẹ dự kiến 45 tỷ đồng. Phương án chia cổ tức sẽ bàn ở ĐHĐCĐ thường niên 2023 (tỷ lệ chia cổ tức 2021 là 10%).

Ban lãnh đạo chỉ ra kế hoạch 2022 xây dựng dựa trên dự đoán thị trường dầu khí và đặc biệt là thị trường khoan còn khó khăn, dịch bệnh khó lường, ước tính các chương trình khoan trong nước không nhiều, tình trạng cung vượt cầu giàn khoan vẫn ở mức cao, đơn giá cho thuê giàn và các dịch vụ khác ở mức thấp.

ĐHĐCĐ Vinaconex 2022: Kế hoạch lãi sau thuế gấp hơn 3 lần

Ngày 21/04, Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX, HOSE: VCG) tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022. Đại hội đã thông qua nhiều nội dung quan trọng về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và chiến lược phát triển năm 2022 của Tổng công ty.

Năm 2022, Tổng công ty vẫn quyết tâm xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh có sự tăng trưởng cao về doanh thu và lợi nhuận so với năm 2021. Tổng công ty đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất năm 2022 đạt hơn 15,300 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1,400 tỷ đồng, tăng lần lượt 243% và 269% so với thực hiện 2021.

Để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Ban điều hành Tổng Công ty định hướng vẫn tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng phát triển 3 lĩnh vực trụ cột là Xây dựng – Bất động sản - Đầu tư tài chính với những giải pháp cụ thể, kỳ vọng đem lại hiệu quả cao.

Trao đổi với các cổ đông, Chủ tịch HĐQT Đào Ngọc Thanh cũng khẳng định mong muốn và quyết tâm của HĐQT, Ban TGD và CBNV TCT về việc đưa Vinaconex trở thành tập đoàn kinh tế top đầu Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản, chăm lo tốt đời sống cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho cổ đông. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty luôn đạt mức tăng trưởng cao và ổn định, tổng doanh thu, lợi nhuận cũng như các khoản nộp ngân sách và phúc lợi xã hội ngày càng tăng.

Với sự nhất trí cao, Đại hội đồng cổ đông Vinaconex đã thông qua các nội dung về kết quả sản xuất kinh doanh 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022, phương án chia cổ tức và nhiều nội dung quan trọng khác. Các cổ đông cũng đã tiến hành bầu HĐQT, Ban kiểm soát TCT nhiệm kỳ 2022-2027.

HCM báo lãi ròng quý 1/2022 giảm 12%

Quý 1/2022, HCM đạt mức lãi ròng gần 283 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ. Kết quả này đến từ sự sụt giảm ở một số mảng kinh doanh chủ đạo.

Cụ thể, doanh thu mảng môi giới của HCM giảm 4% về còn gần 283 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động tư vấn giảm tới 72% còn 4.4 tỷ đồng. Mảng tự doanh cũng ghi nhận lợi nhuận giảm hơn 12%, đạt khoảng 164.4 tỷ đồng.

Ngược lại, các khoản chi phí trong quý 1 tăng so với cùng kỳ. Chi phí môi giới ở mức 166.2 tỷ đồng, tăng 7%. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tới 78% lên hơn 94.3 tỷ đồng.

Điểm sáng lớn nhất trong quý 1 của HCM là hoạt động cho vay ký quỹ tiếp tục đóng góp lớn nhất trong tổng doanh thu (chiếm 43%), đạt 373 tỷ đồng. Mảng hoạt động này cũng đồng thời có mức tăng trưởng mạnh, tăng 68% so với cùng kỳ.

Tổng tài sản của HCM tới cuối quý 1/2022 ở mức gần 22.8 ngàn tỷ đồng, giảm 6.5% so với đầu năm. Dư nợ cho vay đạt hơn 14.5 ngàn tỷ đồng, tăng 6% so với đầu năm.

Lượng tiền mặt của Công ty giảm đáng kể từ 34% so với đầu năm về còn hơn 4.7 ngàn tỷ đồng.

Giá trị danh mục tài sản tài chính ghi nhận qua lãi/lỗ (FVTPL) tại thời điểm này không biến động quá mạnh, giảm 5% xuống còn 2,253 tỷ đồng. Danh mục này chủ yếu phân bổ vào trái phiếu niêm yết (1,339 tỷ đồng) và cổ phiếu phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền (694.4 tỷ đồng).

Nhu cầu tiêu thụ tăng cao trong tình hình dịch bệnh, Dược Hậu Giang (DHG) báo lãi quý 1 đạt hơn 255 tỷ đồng

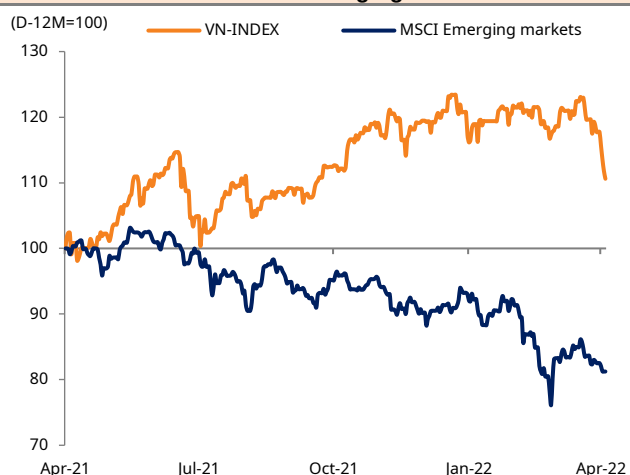
CTCP Dược Hậu Giang (mã chứng khoán DHG) công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2022 với doanh thu tăng 4,6% so với cùng kỳ, lên 1.065 tỷ đồng. Trừ chi phí vốn, công ty còn lãi gộp 560 tỷ đồng.

Doanh thu tài chính trong quý đạt 30 tỷ đồng, giảm 2,5 tỷ đồng so với cùng kỳ, trong khi đó chi phí tài chính cũng giảm được 3,7 tỷ đồng, xuống còn gần 22 tỷ đồng. Chi phí tài chính trong quý chủ yếu từ chi chiết khấu thanh toán.

BCTC ghi nhận đến 31/3/2022, Dược Hậu Giang vẫn còn khoản tiền 2.385 tỷ đồng, tăng 275 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm – đây là tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng. Trong khi đó dư vay nợ thuê tài chính ngắn hạn chỉ xấp xỉ 200 tỷ đồng và không ghi nhận dư vay nợ thuê tài chính dài hạn.

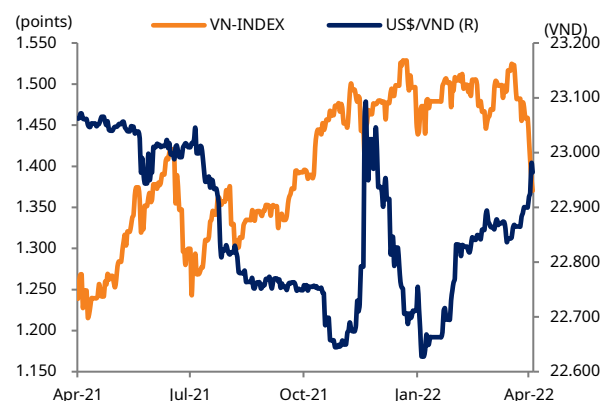
Trừ các chi phí phát sinh, quý 1 Dược Hậu Giang báo lãi trước thuế 285 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế 255 tỷ đồng, tăng trưởng 25,1% so với số lãi 204 tỷ đồng đạt được quý 1/2021. EPS đạt 1.890 đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



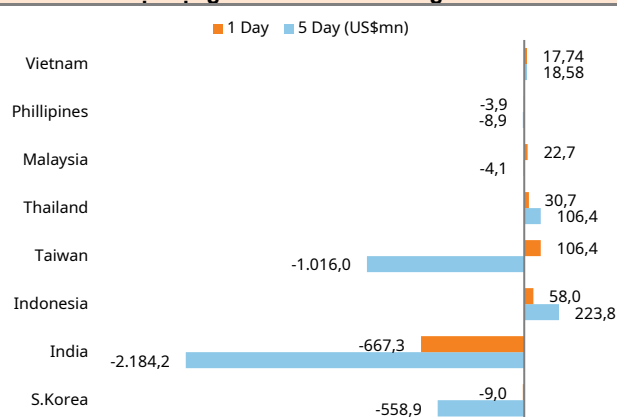
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



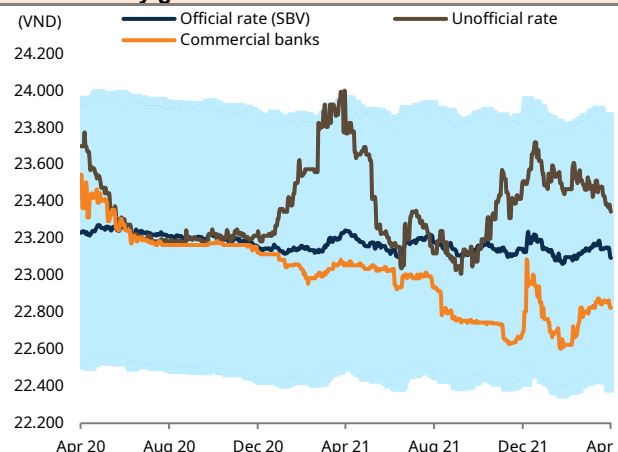
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



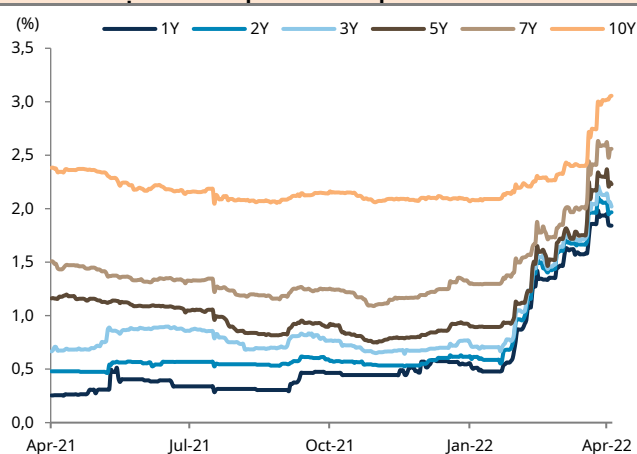
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



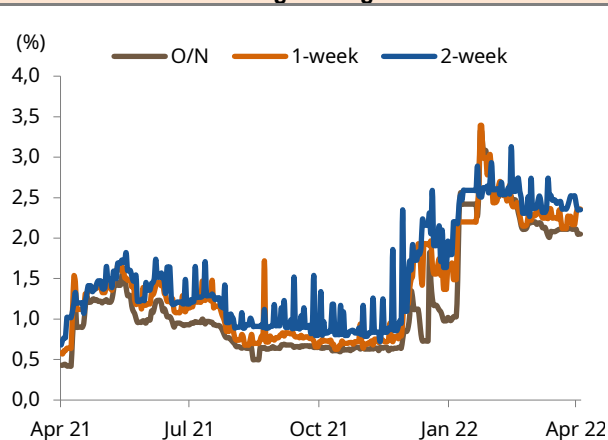
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,426.87	3,732,551		-0.6	-6.0	-5.0	8.7	13.4	11.6	2.6	2.1	38.5	15.4	19.6	20.5
Asia Commercial Bank	ACB VN	31,500	85,111	30.0	-1.3	-6.8	-4.4	17.2	9.0	6.6	1.9	1.5	24.6	36.9	23.5	24.6
BIDV	BID VN	38,500	194,753	16.8	1.4	-4.9	-12.1	12.1	22.3	14.5	2.3	2.0	50.3	53.7	11.0	17.2
Bao Viet Holdings	BVH VN	66,500	49,364	26.5	3.9	6.4	13.7	10.8	26.0	22.3	2.3	2.2	21.8	16.6	9.2	10.2
VietinBank	CTG VN	29,000	139,367	25.7	1.0	-7.1	-11.7	-10.9	9.9	6.5	1.5	1.3	18.2	51.4	15.8	20.1
FPT Corp	FPT VN	112,000	101,646	49.0	0.0	-3.9	17.5	55.4	25.8	20.2	5.7	4.9	21.5	27.7	23.4	27.3
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	105,000	200,965	2.8	-1.5	-5.9	-7.9	19.3	24.1	17.4	3.9	3.5	8.1	38.8	16.8	20.4
Vietnam Rubber Group	GVR VN	30,500	122,000	0.5	-6.3	-11.7	-11.8	21.0	29.3	22.9	2.5	#N/A	10.3	27.9	8.7	10.8
HDBank	HDB VN	24,900	50,104	16.0	-3.3	-8.8	-12.0	14.4	8.2	6.9	1.7	#N/A	42.5	18.3	23.3	21.8
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	43,350	193,901	21.7	0.3	-3.5	-7.5	2.3	6.0	6.4	2.1	1.6	151.5	-5.4	42.8	29.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	48,000	30,861	32.6	-3.8	-4.2	-9.9	54.6	26.8	21.8	3.0	2.5	3.1	22.7	12.2	13.7
MBBank	MBB VN	30,000	113,350	23.2	1.7	-7.1	-6.8	32.8	8.9	7.0	1.9	1.5	53.0	26.9	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	123,000	174,247	28.4	-1.0	-2.1	1.8	39.9	20.3	31.7	5.3	5.5	589.7	-35.8	35.1	17.9
Mobile World Investment Corp	MWG VN	155,500	113,830	50.3	-0.3	-2.5	15.3	63.7	22.5	17.3	5.4	4.6	18.2	30.3	27.3	28.1
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	80,100	154,627	6.6	-1.6	-5.8	-2.8	31.2	44.0	27.1	4.4	3.8	-18.7	62.4	10.6	15.2
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	63,400	42,582	2.3	-0.2	-3.4	-4.9	21.6	23.6	#N/A	6.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	50,300	63,911	17.1	-1.9	-8.0	-10.2	-4.9	28.1	18.0	2.5	1.9	160.6	56.4	9.7	14.1
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	119,000	28,842	52.2	0.1	1.7	12.7	26.1	28.4	20.0	4.5	3.8	-2.6	41.6	17.0	20.9
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,300	31,147	2.0	1.9	-14.5	-17.9	2.3	17.6	18.0	1.1	1.0	-24.2	-2.5	6.2	5.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	169,700	108,825	62.6	-1.3	1.7	11.5	-0.2	30.8	25.3	5.1	4.6	-22.9	21.9	17.1	19.6
SSI Securities Corp	SSI VN	36,050	35,789	37.5	2.4	-14.2	-18.6	60.0	13.9	16.1	2.5	#N/A	100.3	-13.7	21.0	15.2
Sacombank	STB VN	27,650	52,126	20.8	0.4	-10.2	-16.5	22.9	17.0	9.9	1.5	1.4	30.6	72.1	9.5	13.9
Techcombank	TCB VN	43,600	153,076	22.5	1.3	-7.8	-11.8	6.0	8.5	7.1	1.7	1.4	46.1	19.2	21.7	21.0
Tien Phong Bank	TPB VN	34,800	55,045	29.9	-2.0	-10.9	-12.8	69.0	10.8	8.2	2.1	1.7	28.5	31.5	22.6	23.0
Vietcombank	VCB VN	78,400	371,029	23.6	0.0	-3.2	-7.7	-2.9	18.7	14.7	3.4	2.6	19.7	27.3	19.6	20.1
Vinhomes JSC	VHM VN	64,000	278,680	23.5	-4.2	-11.5	-17.4	-23.4	7.1	7.8	2.2	1.7	40.9	-8.8	36.9	24.6
Vingroup JSC	VIC VN	77,500	295,580	12.6	-2.3	-5.1	-4.3	-39.1	#N/A	71.1	2.9	2.9	-145.6	259.0	-2.8	4.4
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	136,500	73,930	16.8	-3.9	-0.3	-4.7	4.2	771.2	60.0	4.4	#N/A	35.1	1,185.3	0.6	6.8
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	75,000	156,747	54.2	-0.8	-1.7	-3.4	-24.5	16.6	15.5	4.7	4.5	-5.3	7.3	29.3	30.9
VPBank	VPB VN	35,500	157,814	17.5	0.9	-10.1	-3.5	29.1	13.4	11.1	2.0	1.6	11.6	21.0	17.9	16.2
Vincom Retail JSC	VRE VN	30,500	69,306	30.5	-0.5	-4.2	-8.1	-11.8	52.8	25.2	2.3	2.1	-44.8	109.0	4.4	9.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	-14.51	5,488,671	-1.0	-6.9	-8.3	8.0	34.8	22.7	15.9	13.0
Ô tô và phụ tùng	-0.09	9,604	-3.6	-5.0	-0.3	22.2	1.6	9.3	15.7	14.4
Ngân hàng	1.33	1,672,207	0.3	-5.0	-9.5	14.0	41.4	22.0	11.2	9.2
Xây dựng cơ bản	-1.70	274,274	-2.1	-12.3	-18.2	54.6	15.7	14.2	16.8	14.7
Dịch vụ thương mại	-0.02	5,517	-1.7	-3.1	-1.7	23.0	-4.7	26.0	16.2	12.9
May mặc và trang sức	0.06	59,769	0.3	-2.3	8.6	40.4	12.8	26.4	21.8	17.2
Dịch vụ tiêu dùng	-0.06	9,345	-1.9	-6.5	-6.2	2.9	7.6	1167.4	724.3	57.2
Dịch vụ tài chính	1.06	155,885	2.4	-10.9	-18.4	90.5	151.5	3.1	8.8	8.5
Dầu khí	-0.62	85,432	-2.7	-9.5	-13.5	1.4	120.1	42.7	21.4	15.0
Thực phẩm, đồ uống	-1.79	571,292	-1.2	-2.4	1.4	17.1	29.5	-2.1	21.0	21.4
Y tế	0.01	3,887	0.8	-5.1	-14.6	99.7	74.8	39.7	34.0	24.3
Bảo hiểm	0.56	64,970	3.6	-1.0	11.4	25.9	32.0	4.3	20.8	20.0
Nguyên vật liệu	-2.49	522,438	-1.7	-6.7	-5.6	57.4	127.3	-0.2	8.8	8.8
Dược phẩm	-0.02	32,524	-0.3	-1.4	-2.5	13.1	10.4	7.4	17.3	16.1
Bất động sản	-8.61	1,137,344	-2.9	-7.0	-10.5	-2.1	7.1	26.4	20.6	16.3
Bán lẻ	-0.17	134,869	-0.5	-2.8	13.7	101.5	18.0	25.1	24.9	19.9
Phần mềm và dịch vụ	-0.05	110,493	-0.2	-2.5	17.3	60.5	22.5	19.0	26.0	21.9
Vận tải	-0.98	209,594	-1.7	-2.2	-3.6	28.7	-3.2	100.4	#N/A	5301
Tiện ích	-0.95	338,373	-1.1	-7.2	-7.3	18.6	10.2	22.8	19.0	15.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BID VN	38,500	1.4	2,094,100	0.7
VND VN	32,350	6.8	14,542,000	0.6
TCB VN	43,600	1.3	10,019,500	0.5
MBB VN	30,000	1.7	12,604,800	0.5
BVH VN	66,500	3.9	3,570,900	0.5
CTG VN	29,000	1.0	5,307,000	0.4
VPB VN	35,500	0.9	18,919,400	0.3
GEX VN	29,000	4.7	20,350,700	0.3
VIB VN	42,000	1.6	1,573,400	0.3
SSI VN	36,050	2.4	12,545,000	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	64,000	-4.2	6,536,700	-3.1
GVR VN	30,500	-6.3	4,404,800	-2.1
VIC VN	77,500	-2.3	2,684,300	-1.8
BCM VN	73,000	-4.6	315,400	-0.9
GAS VN	105,000	-1.5	1,072,500	-0.8
VJC VN	136,500	-3.9	732,600	-0.8
NVL VN	80,100	-1.6	4,662,100	-0.6
DIG VN	64,700	-6.9	10,454,900	-0.6
SHB VN	16,200	-4.1	19,085,000	-0.5
MSN VN	123,000	-1.0	1,507,800	-0.5

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.